

Phụ lục II

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, BẢNG TÍNH TOÁN CHI PHÍ ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. Thủ tục hành chính: Chuyển trường và tiếp nhận học sinh (Từ tỉnh, thành phố khác)											
I.	CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI										
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thành phần HS 1	Đơn xin chuyển trường	4	100,000			1	350	400,000	140,000,000	
1.2	Thành phần HS 2	Giấy giới thiệu chuyên trường nơi đi cấp	2	100,000			1	350	200,000	70,000,000	
1.3	Thành phần HS 3								0	0	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4	100,000		200,000	1	350	600,000	210,000,000	
		Bưu điện	0					0	0	0	
		Internet	0					0	0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác							0	0	0	

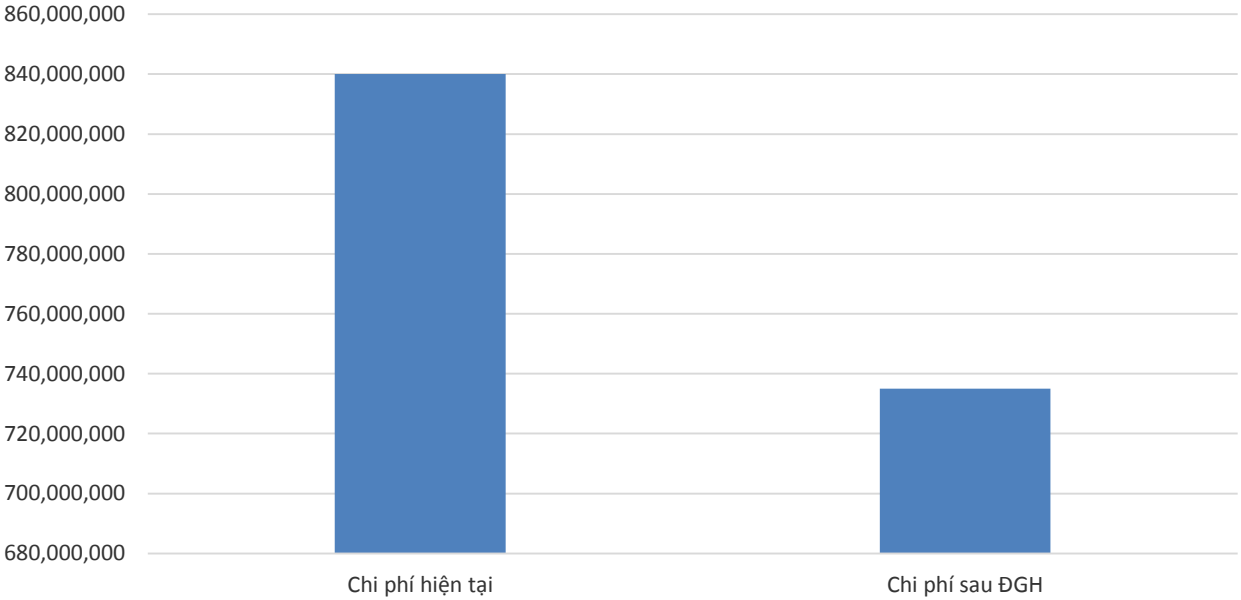
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
5	Công việc khác (nếu có)	Cấp Giấy giới thiệu chuyên trường/Đồng ý tiếp nhận	8	100,000			1	350	800,000	280,000,000	
										0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4	100,000				350	400,000	140,000,000	
		Bưu điện							0	0	
		Internet							0	0	
		Khác							0	0	
TỔNG			22	500,000	0	200,000	4	1,750	2,400,000	840,000,000	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thành phần HS 1	Đơn xin chuyển trường	4	100,000			1	350	400,000	140,000,000	
1.2	Thành phần HS 2	Giấy giới thiệu chuyên trường nơi đi cấp	2	100,000			1	350	200,000	70,000,000	

1.3	Thành phần HS 3								0	0	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	4	100,000		200,000	1	350	600,000	210,000,000	
		Bưu điện	0					350	0	0	
		Internet	0					350	0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	0						350	0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
5	Công việc khác (nếu có)	Cấp Giấy giới thiệu chuyển trường/Đồng ý tiếp nhận	5	100,000			1	350	500,000	175,000,000	
								350		0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	4	100,000				350	400,000	140,000,000	
		Bưu điện	1						0	0	
		Internet						350	0	0	
		Khác						350	0	0	
TỔNG			20	500,000	0	200,000	4	3,850	2,100,000	735,000,000	

Chi phí tuân thủ TTTC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí hiện tại

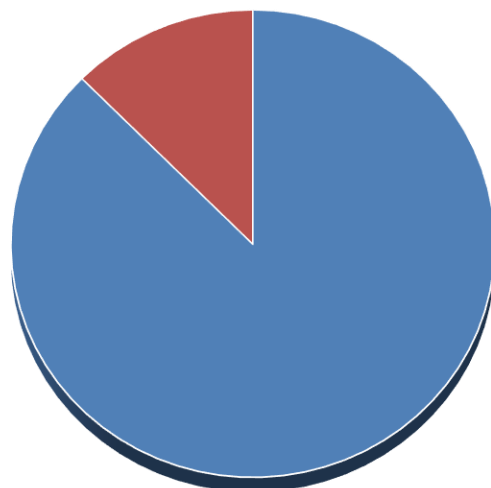
840,000,000

Chi phí sau ĐGH

735,000,000

105,000,000

Chart Title



■ Chi phí tuân thủ TTHC còn lại

■ Chi phí cắt giảm được

Chi phí tuân thủ TTHC còn lại

87.5

Chi phí cắt giảm được

12.5